**SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO HÀ NỘI**

**TRƯỜNG THPT THẠCH THẤT**

**MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ I LỚP 10 ( Năm học 2025-2026)**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Chương/chủ đề** | **Nội dung/đơn vị kiến thức** | | **Mức độ đánh giá** | | | | | | | | | | | | | **Tổng** | | | | | **Tỉ lệ**  **% điểm** | |
| **Nhiều lựa chọn** | | | **Đúng - sai** | | | **Trả lời ngắn** | | | **Tự luận** | | | |
| **Biết** | **Hiểu** | **VD** | **Biết** | **Hiểu** | **VD** | **Biết** | **Hiểu** | **VD** | **Biết** | **Hiểu** | **VD** | | **Biết** | **Hiểu** | | **VD** | |
| 1 | **Trái Đất** | -Hệ quả địa lí các chuyển động của TĐ | |  |  |  |  |  |  | 1 | 1 |  |  |  |  | | **1** | **1** | |  | | **5%** | |
| 2 | **Thạch quyển** | -Thạch quyển. Nội lực và tác động của nội lực đến địa hình bề mặt Trái Đất.  -Ngoại lự, tác động của ngoại lực đến địa hình bề mặt TĐ | | 2 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  | | **2** |  | |  | | **5%** | |
| 3 | **Khí quyển.** | -Khí quyển. Nhiệt độ không khí  - Khí áp, gió và mưa  -Phân tích biểu đồ khí hậu | | 2 | 1 |  | 2\* | 2\* |  | 2 | 2 |  |  |  | 2 | | **4** | **3** | | **2TL** | | **47,5%** | |
| 4 | **Thủy quyển** | -Thủy quyển. Nước trên lục địa  - Nước biển và đại dương | | 2 | 1 |  | 2 | 2 |  | 1 | 1 |  |  |  | 2\* | | **5** | **4** | | **2TL\*** | | **22,5%** | |
| 5 | **Sinh quyển** | Đất và sinh quyển | | 2 | 2 |  | 2 | 2 |  |  |  |  |  |  |  | | **4** | **4** | |  | | **20%** | |
| **Tổng số câu/ý** | | |  | **8** | **4** | **0** | **4** | **4** | **0** | **4** | **4** | **0** | **0** | **0** | **2** | **16** | | **12** | **2TL** | | **30** | |
| **Tổng số điểm** | | |  | **3,0** | | | **2,0** | | | **2,0** | | | **3,0** | | | **4,0** | | **3,0** | **3,0** | | **10** | |
| **Tỉ lệ %** | | |  | **30%** | | | **20%** | | | **20%** | | | **30%** | | | **40%** | | **30%** | **30%** | | **100%** | |

**Nhận biết: 16 ý TN = 4,0 điểm; Thông hiểu: 12 ý TN = 3,0 điểm; Vận dụng: 2 câu tự luận = 3,0 điểm**

**Câu đúng sai và câu tự luận có thể ra vào phần 1 hoặc 1\* thuộc 2 chủ đề khí quyển và thuỷ quyển**

**BẢNG ĐẶC TẢ MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ I LỚP 10**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Chương/chủ đề** | **Nội dung/đơn vị kiến thức** | **Mức độ nhận thức** | **Mức độ đánh giá** | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | **Tỉ lệ**  **% điểm** | |
| **Nhiều lựa chọn** | | | | | | **Đúng - sai** | | | | | | | **Trả lời ngắn** | | | | | | | | **Tự luận** | | | | | | |
| **Biết** | | **Hiểu** | | **VD** | | **Biết** | | **Hiểu** | | **VD** | | **Biết** | | | | **Hiểu** | | **VD** | | **Biết** | | | | **Hiểu** | | **VD** | |
| 1 | **Trái Đất** | - Hệ quả địa lí các chuyển động của Trái Đất | **Hiểu**  Phân tích được Hệ quả địa lí các chuyển động của Trái Đất **(NL1)** |  | |  | |  | |  | |  | |  | | 1 | | | | 1 | |  | |  | | | |  | |  | | **5%** | |
| 2 | **Thạch quyển** | -Thạch quyển. Nội lực và tác động của nội lực đến địa hình bề mặt Trái Đất.  -Ngoại lực và tác động của ngoại lực đến địa hình bề mặt Trái Đất. | **Nhận biết:**  - Trình bày được khái niệm, nguyên nhân của nội lực, ngoại lực.  - Trình bày được tác động của nội lực, ngoại lực đến địa hình bề mặt Trái Đất.  **(NL1)** | 2 | |  | |  | |  | |  | |  | |  | | | |  | |  | |  | | | |  | |  | | **5%** | |
| 3 | **Khí quyển.** | -Khí quyển. Nhiệt độ không khí  - Khí áp, gió và mưa | **Nhận biết**  – Nêu được khái niệm khí quyển.  – Trình bày được sự phân bố nhiệt độ không khí trên Trái Đất theo vĩ độ địa lí; lục địa, đại dương; địa hình.  – Trình bày được một số loại gió chính trên Trái Đất; một số loại gió địa phương.  – Trình bày được sự phân bố mưa trên thế giới. **(NT.1)**  **Thông hiểu**  – Trình bày được sự hình thành các đai khí áp trên Trái Đất, nguyên nhân của sự thay đổi khí áp**.(NT.2)**  – Phân tích được các nhân tố ảnh hưởng đến lượng mưa trên thế giới. **.(NT.2)**  – Đọc được bản đồ các đới khí hậu trên Trái Đất**.(TH.1)**  **Vận dụng**  – Vẽ biểu đồ, phân tích được bảng số liệu, hình vẽ, bản đồ, lược đồ về một số yếu tố của khí quyển (nhiệt độ, khí áp, gió, mưa). **(TH.1)**  – Phân tích được biểu đồ một số kiểu khí hậu. **(TH.1)**  – Giải thích được một số hiện tượng thời tiết và khí hậu trong thực tế. **(VD.1)** | 2 | | 1 | |  | | 2\* | | 2\* | |  | | 2 | | | | 2 | |  | |  | | | |  | | 2 | | **47,5%** | |
| 4 | **Thủy quyển** | -Thủy quyển. Nước trên lục địa  - Nước biển và đại dương | **Nhận biết**  – Nêu được khái niệm thuỷ quyển.  – Trình bày được tính chất của nước biển và đại dương. **(NT.1)**  **Thông hiểu**  – Phân tích được các nhân tố ảnh hưởng tới chế độ nước sông.  – Phân biệt được các loại hồ theo nguồn gốc hình thành.  – Trình bày được đặc điểm chủ yếu của nước băng tuyết và nước ngầm.  – Giải thích được hiện tượng sóng biển và thuỷ triều.  – Trình bày được chuyển động của các dòng biển trong đại dương.  – Nêu được vai trò của biển và đại dương đối với phát triển kinh tế - xã hội. **.(NT.2)**  **Vận dụng**  – Trình bày được chế độ nước của một con sông cụ thể **(VD.1)**  – Nêu được các giải pháp bảo vệ nguồn nước ngọt**.(NT.2)**  – Vẽ được biểu đồ sơ đồ; phân tích được bản đồ và hình vẽ về thuỷ quyển. **(TH.1)** | 2 | | 1 | |  | | 2 | | 2 | |  | | 1 | | | | 1 | |  | |  | | | |  | | 2\* | | **22,5%** | |
| 5 | **Sinh quyển** | Đất và sinh quyển | **Nhận biết**  – Trình bày được khái niệm về đất.  – Trình bày được khái niệm sinh quyển. **(NT.1)**  **Thông hiểu**  - Phân biệt được lớp vỏ phong hoá và đất.  - Trình bày được các nhân tố hình thành đất.  - Phân tích được đặc điểm và giới hạn của sinh quyển.  - Phân tích được các nhân tố ảnh hưởng đến sự phát triển, phân bố của sinh vật. **(NT.2)** | 2 | | 2 | |  | | 2 | | 2 | |  | |  | | | |  | |  | |  | | | |  | |  | | **20%** | |
| **Tổng số câu/ý** | | | | | **8** | | **4** | | **0** | | **4** | | **4** | | **0** | | | **4** | | | **4** | | **0** | | | **0** | | | **0** | | **2TL** | | **30** |
| **Tổng số điểm** | | | | | **3,0** | | | | | | **2,0** | | | | | | | | **2,0** | | | | | | | | **3,0** | | | | | | **10** |
| **Tỉ lệ %** | | | | | **30%** | | | | | | **20%** | | | | | | | | **20%** | | | | | | | | **30%** | | | | | | **100%** |

**Nhận biết: 16 ý TN = 4,0 điểm; Thông hiểu: 12 ý TN = 3,0 điểm; Vận dụng: 2 câu tự luận = 3,0 điểm**

**Câu đúng sai và câu tự luận có thể ra vào phần 1 hoặc 1\* thuộc 2 chủ đề khí quyển và thuỷ quyển**

**NL1: Nhận thức khoa học địa lí; NL2: Tìm hiểu địa lí; NL 3: Vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học**

|  |  |
| --- | --- |
| **TRƯỜNG THPT HOÀI ĐỨC B** | **ĐỀ KIỂM TRA CUỐI KÌ I**  **Năm học 2024- 2025**  **Môn: Địa Lý - Lớp: 10**  ***Thời gian làm bài: 45 phút*** |

**A/ TRẮC NGHIỆM( 8 điểm)**

**PHẦN I (4,0 điểm)** Câu trắc nghiệm nhiều phương án lựa chọn. Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 16. Mỗi câu hỏi thí sinh chỉ chọn một phương án.

**Câu 1.** Nếu đi từ tây sang phía đông qua kinh tuyến 180o thì

**A.** tăng thêm 1 ngày lịch. **B.** lùi lại 1 giờ.

**C.** tăng thêm 1 giờ. **D.** lùi lại 1 ngày lịch.

**Câu 2.** Thạch quyển được hợp thành bởi lớp vỏ Trái Đất và

**A.** phần trên của lớp Man-ti. **B**. phần dưới của lốp Man-ti.

**C.** nhân ngoài của Trái Đất. **D.** nhân trong của Trái Đất.

**Câu 3.** Phong hoá hoá học chủ yếu do

**A**. sự thay đổi của nhiệt độ, sự đóng băng của nước.

**B**. các hợp chất hoà tan trong nước, khí, axit hữu cơ.

**C.** tác động của sinh vật như vi khuẩn, nấm, rễ cây.

**D**. tác động của hoạt động sản xuất và của sinh vật.

**Câu 4.** Khu vực nào có nhiệt độ trung bình năm cao nhất?

**A.** Xích đạo. **B.** Chí tuyến. **C.** Ôn đới. **D.** Cực.

**Câu 5.** Từ xích đạo về cực có

**A.** nhiệt độ trung bình năm giảm, biên độ nhiệt độ năm tăng.

**B**. biên độ nhiệt độ năm tăng, nhiệt độ trung bình năm tăng.

**C.** góc chiếu của tia bức xạ mặt trời tăng, nhiệt độ hạ thấp.

**D**. nhiệt độ hạ thấp, biên độ nhiệt độ trung bình năm giảm.

**Câu 6.** Loại gió nào sau đây có tính chất khô?

**A.** Gió Tây ôn đới. **B.** Gió Mậu dịch.

**C.** Gió mùa. **D.** Gió đất, biển.

**Câu 7.** Nguyên nhân hình thành gió mùa chủ yếu là do

**A.** sự nóng lên hoặc lạnh đi không đều giữa lục địa và đại dương theo mùa.

**B**. sự phân bố các vành đai áp xen kẽ và đối xứng nhau qua áp thấp xích đạo.

**C.** các lục địa và các đại dương có biên độ nhiệt độ năm khác nhau theo mùa.

**D**. hoạt động của gió kết hợp với độ cao, độ dốc và hướng sườn núi theo mùa.

**Câu 8.** Sông ngòi ở vùng khí hậu nóng hoặc những nơi địa hình thấp của khí hậu ôn đới thì nguồn cung nước chủ yếu là

**A.** nước mưa. **B.** băng tuyết. **C.** nước ngầm. **D.** các hồ chứa.

**Câu 9.** Chế độ nước của một con sông phụ thuộc vào những nhân tố nào?

**A.** Chế độ gió, địa hình, thảm thực vật, nhiệt độ trung bình năm.

**B.** Nước ngầm, địa hình, thảm thực vật, nhiệt độ trung bình năm.

**C.** Chế độ mưa, băng tuyết, nước ngầm, nhiệt độ trung bình năm.

**D.** Chế độ mưa, băng tuyết, nước ngầm, địa hình, thảm thực vật, hồ đầm.

**Câu 10.** Nguyên nhân gây ra thuỷ triều là do

**A.** sức hút của Mặt Trăng, Mặt Trời. **B**. sức hút của hành tinh ở thiên hà.

**C.** hoạt động của các dòng biển lớn.  **D**. hoạt động của núi lửa, động đất.

**Câu 11.** Nguyên nhân chủ yếu tạo nên sóng biển là do

**A**. mưa. **B**. núi lửa. **C.** động đất. **D.** gió.

**Câu 12.** Trong việc hình thành đất, khí hậu **không** có vai trò nào sau đây?

**A.** Làm cho đá gốc bị phân huỷ về mặt vật lí.

**B.** Ảnh hưởng đến hoà tan, rửa trôi vật chất.

**C.** Tạo môi trường cho hoạt động vi sinh vật.

**D**. Cung cấp vật chất hữu cơ và khí cho đất.

**Câu 13.** Nhân tố đóng vai trò chủ đạo trong việc hình thành đất là

**A.** Đá mẹ. **B**. Khí hậu.

**C.** Địa hình. **D.** Sinh vật.

**Câu 14.** Ảnh hưởng tích cực của con người đối với sự phân bố sinh vật **không** phải là

**A**. Giảm diện tích rừng tự nhiện, mất nơi ở động vật.

**B.** thay đổi phạm vi phân bố của nhiều loại cây trồng.

**C.** đưa động vật nuôi từ lục địa này sang lục địa khác.

**D.** trồng rừng, mở rộng diện tích rừng ở toàn thế giới.

**Câu 15.** Qui luật thống nhất và hoàn chỉnh của lớp vỏ địa lí là

**A.** quy luật về mối quan hệ qui định lẫn nhau giữa các loài trong sinh vật

**B.** quy luật về mối quan hệ qui định lẫn nhau giữa các bộ phận của trái đất

**C.** quy luật về mối quan hệ qui định lẫn nhau giữa các tầng của khí quyển

**D.** quy luật về mối quan hệ qui định lẫn nhau giữa các thành phần của lớp vỏ địa lí

**Câu 16.** Nguyên nhân chính nào tạo nên quy luật địa ô?

**A.** Do sự phân bố đất liền và biển, đại dương.

**B.** Sự thay đổi lượng bức xạ mặt trời theo vĩ độ.

**C.** Ảnh hưởng của các dãy núi chạy theo hướng kinh tuyến.

**D.** Hoạt động của các đới gió thổi thường xuyên trên Trái Đất

**PHẦN II (3,0 điểm). Câu trắc nghiệm đúng sai.** Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 3. Trong mỗi ý a), b), c), d) ở mỗi câu, thí sinh chọn đúng hoặc sai.

**Câu 1.** Cho thông tin sau:

Do trục Trái Đất luôn nghiêng với mặt phẳng quỹ đạo và không đổi phương khi chuyển động quanh Mặt Trời nên có hiện tượng ngày đêm dài ngắn khác nhau theo vĩ độ. Độ dài ngày đêm chênh lệch nhau càng nhiều khi đi từ xích đạo về hai cực. Từ vòng cực về cực có hiện tượng "đêm trắng". Thành phố Xanh Pê-téc-bua nằm ở vĩ độ cao, gần vòng cực Bắc. Xanh Pê-téc-bua thu hút khách du lịch với hiện tượng “đêm trắng".

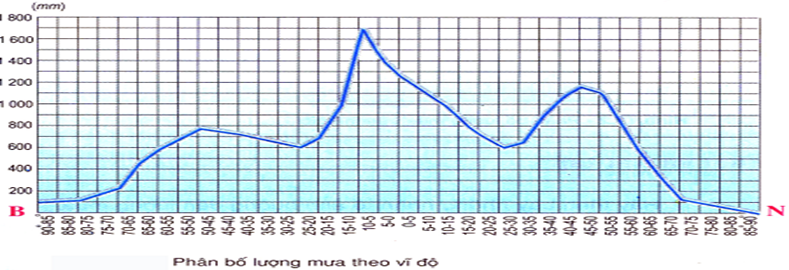
**a)** "Đêm trắng” có thời gian ban đêm diễn ra rất ngắn.

**b)** "Đêm trắng" diễn ra chủ yếu ở khu vực từ xích đạo đến vòng cực.

**c)** "Đêm trắng" diễn ra vào mùa hạ ở Xanh Pê-téc-bua.

**d)** Xanh Pê-téc-bua có hiện tượng “đêm trắng" do địa điểm này nằm hoàn toàn trước đường phân chia sáng tối.

**Câu 2.** Cho biểu đồ: Sự phân bố lượng mưa theo vĩ độ trên Trái Đất



**a)** Ở vùng ôn đới có lượng mưa lớn nhất.

**b)** Ở hai cực có lượng mưa lớn do nhiệt độ thấp.

**c)** Vùng chí tuyến có lượng mưa nhỏ nhất.

**d)** Xích đạo có lượng mưa lớn nhất chủ yếu do áp thấp, diện tích đại dương nhiều, dòng biển nóng.

**Câu 3: Cho đoạn thông tin sau**

Nhiệt và ẩm ảnh hưởng trực tiếp đến sự hình thành đất. Tác động của nhiệt và ẩm làm cho đá bị phá huỷ thành những sản phẩm phong hoá. Những sản phẩm này sẽ tiếp tục bị phong hoá thành đất.

a) Khí hậu có vai trò rất quan trọng trong quá trình hình thành đất.

b) Khí hậu tác động đến sự hình thành đất qua yếu tố nhiệt, ẩm.

c) Khí hậu quyết định đến thành phần khoáng vật, thành phần cơ giới của đất.

d) Trên Trái Đất có nhiều loại đất do khí hậu phân hoá đa dạng.

**Phần III (1,0 điểm). Câu trắc nghiệm trả lời ngắn.** Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 4

**Câu 1**. Trên bản đồ tỉ lệ 1: 6 000 000, 5 cm trên bản đồ ứng với bao nhiêu km ngoài thực địa?

**Câu 2.** Tại độ cao 1000 m trên dãy núi Hoàng Liên Sơn có nhiệt độ là 18°C, cùng thời điểm này nhiệt độ ở độ cao 2800 m (sườn đón gió) là bao nhiêu °C? (làm tròn kết quả đến hàng đơn vị của °C)

**Câu 3.** Cho bảng số liệu:

**Lượng mưa trung bình các tháng trong năm tại Cà Mau, năm 2022** *(Đơn vị: mm)*

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tháng** | **1** | **2** | **3** | **4** | **5** | **6** | **7** | **8** | **9** | **10** | **11** | **12** |
| Lượng mưa | 0,1 | 0,9 | 105,2 | 327,0 | 319,5 | 225,4 | 565,0 | 228,3 | 409,2 | 352,7 | 313,3 | 71,9 |

*(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam năm 2022)*

Tính tổng lượng mưa trong năm tại Cà Mau. *(làm tròn kết quả đến hàng đơn vị của mm)* **.**

NGUYETDIAQV1@GMAIL.COM

**Câu 4.** Dựa vào bảng số liệu sau:

**Nhiệt độ trung bình tháng I và tháng VII của Hà Nội**.

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Địa điểm | Nhiệt độ trung bình tháng I (0C) | Nhiệt độ trung bình tháng VII (0C) |
| Hà Nội | 16,4 | 28,9 |

Căn cứ bảng số liệu trên, hãy tính biên độ nhiệt năm của Hà Nội. *(làm tròn kết quả đến hàng đơn vị của mm)*

**B. TỰ LUẬN (2,0 điểm)**

**Câu 1 (1,0 điểm):** Tại sao ở bán cầu Bắc nhiệt độ trung bình năm cao nhất ở khu vực chí tuyến chứ không phải ở khu vực xích đạo?

**Câu 2 (1,0 điểm):** Hãy phân tích vai trò của biển, đại dương đối với sự phát triển kinh tế -xã hội nước ta.

**ĐÁP ÁN KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ I- LỚP 10**

**A/ TRẮC NGHIỆM**

**PHẦN I( 4,25 điểm)**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Câu** | **1** | **2** | **3** | **4** | **5** | **6** | **7** | **8** |
| **Chọn** | D | A | B | B | A | B | A | A |
| **Câu** | **9** | **10** | **11** | **12** | **13** | **14** | **15** | **16** |
| **Chọn** | D | A | D | D | D | A | D | A |

**PHẦN II( 3 điểm)**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Câu** | **1** | **2** | **3** |
| **a)** | Đúng | Sai | Đúng |
| **b)** | Sai | Sai | Đúng |
| **c)** | Đúng | Sai | Sai |
| **d)** | Đúng | Đúng | Đúng |

**PHẦN III(0,75 điểm)**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Câu** | **1** | **2** | **3** | **4** |
| **Đáp án** | 300 | 7 | 2919 | 12,5 |

**B/ TỰ LUẬN**

**PHẦN IV: Tự luận( 2 điểm)**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **CÂU HỎI** | **ĐÁP ÁN** | **ĐIỂM** |
| **1** | **Tại sao ở bán cầu Bắc nhiệt độ trung bình năm cao nhất ở khu vực chí tuyến chứ không phải ở khu vực xích đạo?**  - Ở khu vực xích đạo chủ yếu là đại dương, phần lục địa chủ yếu là rừng.  - Khu vực chí tuyến:  + Diện tích lục địa lớn (hoang mạc Xa-ha-ra).  + Áp cao chí tuyến thống trị (gió mậu dịch hoạt động thổi từ lục địa ra nên tính chất khô, nóng). | **1**  0.5  0.5 |
| **2** | **Hãy phân tích vai trò của biển, đại dương đối với sự phát triển kinh tế -xã hội nước ta.**  - Cung cấp tài nguyên sinh vật *(pt)*  - Cung cấp tài nguyên khoáng sản *(pt)*  - Cung cấp năng lượng *(pt)*  - Phát triển các ngành kinh tế biển *(pt)* | **1**  0.25  0.25  0.25  0.25 |